

Bản án số: 131 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 -2022

“V/v Ly hôn giữa bà M và ông H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534 /2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58 /2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà M xin vắng mặt, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày: Qua quá trình tìm hiểu bà và ông H tiến đến hôn nhân năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nay là xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thiếu trách nhiệm, có thái độ, cư xử gia trưởng, bất bình đẳng. Bà và ông đã ly thân từ cuối năm 2020.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê T sinh ngày 11/02/2001 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/11/2004. Hiện đang sống cùng bà.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bà M xin ly hôn ông H. Con chung chưa thành niên bà yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia hòa giải và không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, ông H trình bày thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông không đồng ý ly hôn bà M mà để 4-5 năm nữa khi con cái có gia đình mới đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn H, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M ngày 17/02/2022 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm, xin nghỉ khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà M và ông H tiến đến hôn nhân năm 2000 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Bà M trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do ông bà tính tình không hợp nhau, thường hay xảy ra cự cãi, ông H có cách cư xử gia trưởng với vợ con. Đối với ông H tại phiên tòa cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng ông thừa nhận từ lâu vợ chồng mạnh ai nấy sống cuộc sống của mình, không quan tâm đến nhau, ông không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà M được ly hôn với ông H là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Trung Tín sinh ngày 11/02/2001 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/11/2004, hiện đang sống cùng bà M. Bà M yêu cầu được nuôi cháu Thảo sau ly hôn, đối với cháu Tín đã thành niên và lao động được. Xét thấy, hiện cháu N đang sống cùng bà M, vẫn phát triển bình thường và cũng có nguyện vọng sống cùng bà M. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống con chung và trên cơ sở nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử xem xét giao

cháu Nguyễn Hoàng N cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết M.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Tuyết M ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/11/2004 cho bà Lê Thị Tuyết M nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001064 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Văn H thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

